

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2018/DS-ST**

Ngày 19/4/2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trâm**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dương Thị Bình**

2. Ông **Nguyễn Văn Đồi**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Tín** – Thư ký tòa án nhân dân quận S, TP Đà Nẵng.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2017/TLST-DSST ngày 07 tháng 12 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2017/QĐXX-ST ngày 04 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn số 14/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa:

1. *Nguyên đơn:* **Công ty Tài chính TNHH Một Thành Viên H** - Địa chỉ: Tầng G, 8 và 10 Tòa nhà P, số 20 đường N, phường T, quận 2, TP Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: ông **Lê Nguyễn Thanh H** – Sinh năm: 1993 theo giấy ủy quyền số 3422207283/2016/GUQ ngày 07 tháng 07 năm 2017 của Tổng Giám đốc Công ty Tài chính TNHH Một Thành Viên H. *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Bà **Trần Thị T** – sinh năm: 1990 - Địa chỉ: Tổ 58 An Hòa, phường An Hải Bắc, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay- đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Lê Nguyễn Thanh H trình bày:*

Ngày 12/6/2014 bà Trần Thị T có ký hợp đồng tín dụng số 3422207283 với Công ty TNHH MTV tài chính PPF Việt Nam nay là Công ty tài chính TNHH MTV H (Sau đây gọi tắt là Công ty) vay số tiền **27.095.000 đồng** (Hai mươi bảy triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng), với lãi suất **5,83%/tháng** để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, bà Trần Thị T có trách nhiệm thanh toán số tiền **45.846.000 đồng** bao gồm cả gốc và lãi, trả chậm trong **18 tháng**, mỗi tháng trả **2.547.000 đồng** vào ngày 26 hàng tháng. Bắt đầu trả từ ngày 26/7/2014.

Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và đã thanh toán cho Công ty **16 lần** với số tiền **39.205.000 đồng** (trong đó số tiền gốc là 20.893.770 đồng, tiền lãi là 18.311.230 đồng, tiền phạt: 0 đồng).

Kể từ ngày **09/11/2015** đến nay bà Trần Thị T không thanh toán bất cứ khoản nào dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Vì vậy, Công ty tài chính TNHH MTV H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị T thanh toán các khoản như sau: Trả toàn bộ khoản nợ còn lại: **6.641.000 đồng** (trong đó nợ gốc là: 6.201.230 đồng, nợ lãi là 439.770 đồng) và **tiền phạt là 1.150.000 đồng**

Tổng số tiền bà Trần Thị T phải thanh toán là: **7.791.000 đồng** (Bảy triệu bảy trăm chín mươi một nghìn đồng) ngay khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai, bị đơn- bà Trần Thị T trình bày:*

Bà xác nhận ngày ngày 12/6/2014 bà Trần Thị T có ký hợp đồng tín dụng số 3422207283 với Công ty TNHH MTV tài chính PPF Việt Nam nay là Công ty tài chính TNHH MTV H vay số tiền **27.095.000 đồng** (Hai mươi bảy triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng), với lãi suất **5,83%/tháng** để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, bà Trần Thị T có trách nhiệm thanh toán số tiền **45.846.000 đồng** bao gồm cả gốc và lãi, trả chậm trong **18 tháng**, mỗi tháng trả

2.547.000 đồng vào ngày 26 hàng tháng. Bắt đầu trả từ ngày 26/7/2014. Bà đã trả cho Công ty được 16 lần với tổng số tiền là **39.205.000 đồng**. Nay Công ty tài chính TNHH MTV H yêu cầu bà phải trả cho Công ty tài chính TNHH MTV H số tiền số tiền là **7.791.000 đồng** (*Bảy triệu bảy trăm chín mươi một nghìn đồng*) (trong đó nợ còn lại là: **6.641.000 đồng** và tiền phạt vi phạm hợp đồng là **1.150.000 đồng**) thì bà đồng ý tuy nhiên hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ, mẹ già yếu bà lại không có việc làm ổn định nên bà xin Công ty tài chính TNHH MTV H cho bà trả dần khoản nợ trên, thời hạn và phương thức trả nợ: trả 600.000 đồng vào ngày 15 hàng tháng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về phần thủ tục: Đơn khởi kiện của Công ty tài chính TNHH MTV H nộp tại tòa án là đúng thủ tục và đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn- bà Trần Thị T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 12/6/2014 bà Trần Thị T có ký hợp đồng tín dụng số 3422207283 với Công ty TNHH MTV tài chính PPF Việt Nam nay là Công ty tài chính TNHH MTV H vay số tiền **27.095.000 đồng** (*Hai mươi bảy triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng*), với lãi suất **5,83%/tháng** để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, bà Trần Thị T có trách nhiệm thanh toán số tiền **45.846.000 đồng** bao gồm cả gốc và lãi, trả chậm trong **18 tháng**, mỗi tháng trả **2.547.000 đồng** vào ngày 26 hàng tháng. Bắt đầu trả từ ngày 26/7/2014. Thực hiện hợp đồng, bà T đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và đã thanh toán cho Công ty **16 lần** với số tiền **39.205.000 đồng** (trong đó số tiền gốc là 20.893.770 đồng, tiền lãi là 18.311.230 đồng, tiền phạt: 0 đồng). Kể từ ngày **09/11/2015** đến nay bà Trần Thị T

không thanh toán bất cứ khoản nào dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Công ty tài chính TNHH MTV H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị T thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại: **6.641.000 đồng** (trong đó nợ gốc là: 6.201.230 đồng, nợ lãi là 439.770 đồng) và tiền phạt vi phạm hợp đồng là **1.150.000 đồng, tổng cộng là: 7.791.000 đồng** (*Bảy triệu bảy trăm chín mươi một nghìn đồng*) ngay khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng số 3422207283 ngày 12/6/2014, được ký kết giữa Công ty tài chính TNHH MTV H với bà Trần Thị T trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị T đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lãi và gốc, vi phạm định kỳ trả nợ, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Phía công ty đã nhiều lần làm việc đề yêu cầu bà T trả nợ nhưng đến nay bà T vẫn không trả được nợ. HĐXX xét thấy bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng tín dụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T xác định còn nợ công ty số tiền **6.641.000 đồng** và tiền phạt là **1.150.000 đồng**, tổng số tiền bà T xác định cần phải trả cho công ty là **7.791.000 đồng**. Tuy nhiên, bà T xin được trả dần số nợ trên, thời hạn và phương thức trả nợ: trả 600.000 đồng vào ngày 15 hàng tháng cho đến khi trả hết số nợ, việc này không được đại diện Công ty đồng ý, thể hiện sự thiếu thiện chí trả nợ nhằm trốn tránh và kéo dài việc trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét chấp nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở buộc bà Trần Thị T phải có trách nhiệm trả dứt điểm cho Công ty tài chính TNHH MTV H số tiền **7.791.000 đồng** (*Bảy triệu bảy trăm chín mươi một nghìn đồng*), trong đó nợ còn lại theo hợp đồng là **6.641.000 đồng** (nợ gốc là: 6.201.230 đồng, nợ lãi là 439.770 đồng) và tiền phạt vi phạm hợp đồng là **1.150.000 đồng** là phù hợp với

Điều 6 Hợp đồng tín dụng trả góp số 3422207283 ngày 12/6/2014; khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 290, Điều 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[5] **Án phí dân sự sơ thẩm:** Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 290, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty tài chính TNHH MTV H đối với bà Trần Thị T về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Xử: Buộc bà Trần Thị T có trách nhiệm trả cho Công ty tài chính TNHH MTV H số tiền **7.791.000 đồng** (*Bảy triệu bảy trăm chín mươi một nghìn đồng*), trong đó nợ còn lại theo hợp đồng là **6.641.000 đồng** (nợ gốc là: 6.201.230 đồng, nợ lãi là 439.770 đồng) và tiền phạt vi phạm hợp đồng là **1.150.000 đồng**.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu là **389.550 đồng** (*Ba trăm tám mươi chín nghìn năm trăm năm mươi đồng*)

Hoàn trả lại cho Công ty tài chính TNHH MTV H số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 8358 ngày 06/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận S;
- Chi cục THA dân sự quận S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Trâm